

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **153/2023/DS-ST**
Ngày: 16/05/2023
V/v “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phan Thị Cẩm Tiên**;

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông **Cao Tấn Hiệu**

+ Ông **Nguyễn Văn Bé**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Thơ** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Mỹ Trinh** – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 05 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 449/2022/TLST-DS ngày 12/12/2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2023/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 04 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 77/2023/QĐST-DS ngày 05 tháng 04 năm 2023 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** **Đinh Thị Ngọc D** – sinh năm 1987;

Địa chỉ: Số 14 Ô 4, khu 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện ủy quyền: **Lý Nguyễn Huyền T** – sinh năm 1989 (có mặt)

Địa chỉ: ấp L, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

*** Bị đơn:** **Nguyễn Tấn H** - sinh năm: 1985;

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Ngô Trang Mỹ X – sinh năm 1990;

Địa chỉ: Số 13 Ô 4, khu 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện ủy quyền của anh H, chị X: Anh **Trần Thanh G** – sinh năm 1978 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 78A ấp P, xã Q, huyện S, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn chị **Đinh Thị Ngọc D** trình bày: Ngày 05/7/2022, chị có cho chị X, anh H vay số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng), thời hạn vay 01 năm, lãi suất thỏa thuận, mục đích vay để kinh doanh. Hai bên ký hợp đồng mượn tiền được công chứng, chứng thực tại Văn phòng công chứng Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang, hợp đồng chỉ có chị X ký tên nhưng anh H biết

khoản vay này. Sau đó, chị X, anh H tiếp tục hỏi vay tiền chị, hứa trong vòng 01 tháng sẽ trả số tiền vay lần này và trả luôn số tiền vay 500.000.000 đồng. Vì tin tưởng nên vào ngày 24/10/2022, chị chuyển khoản cho anh H, chị X số tiền 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng), ngày 25/10/2022, chị tiếp tục chuyển khoản số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Cả hai lần vay sau, chị chỉ chuyển khoản chứ không viết biên nhận. Tổng cộng số tiền chị X, anh H vay của chị cả ba lần là 1.200.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm triệu đồng). Hai bên thỏa thuận lãi suất là 1,66%/ tháng. Quá trình giải quyết vụ án, chị X đã trả được 150.000.000 đồng, hiện còn nợ lại 1.050.000.000 đồng, chị yêu cầu trả tiền nhiều lần nhưng chị X, anh H chỉ hứa hẹn chứ không trả bất kỳ khoản tiền nào. Do đó, chị thay đổi yêu cầu khởi kiện là yêu cầu chị Ngô Trang Mỹ X và anh Nguyễn Tấn H liên đới trả số tiền vay 1.050.000.000 đồng (Một tỷ không trăm năm mươi triệu đồng) và tính lãi với lãi suất 1,66%/tháng trên số tiền 1.050.000.000 đồng, tính từ ngày 25/10/2022 đến khi xét xử, trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

* Bị đơn chị Ngô Trang Mỹ X trình bày: chị có mượn của chị D số tiền tổng cộng là 700.000.000 đồng theo ba lần chuyển khoản, cụ thể vào ngày 24/10/2022, chuyển khoản số tiền 100.000.000 đồng và 500.000.000 đồng; ngày 25/10/2022 chuyển khoản số tiền 100.000.000 đồng, thông qua số tài khoản 070112397211 của chị mở tại ngân hàng Y. Việc mượn tiền giữa chị và chị D không có thỏa thuận lãi suất và thời hạn vay do là chỗ thân tình nên chị và chị D chỉ thỏa thuận miệng, khi nào cần tiền thì chị D sẽ thông báo trước một tháng để chị chuẩn bị.

Đối với hợp đồng vay mượn tiền ngày 05/07/2022 được ký tại phòng công chứng C có chữ ký của chị, tuy nhiên sau khi ký xong hợp đồng mượn tiền thì chị không có tiếp tục thực hiện hợp đồng này nên không có nhận số tiền 500.000.000 đồng và chị D cũng không có giao tiền cho chị.

Ngày 05/01/2023, chị và chị D có thỏa thuận việc thanh toán tiền, theo đó chị trả trước cho chị D số tiền 150.000.000 đồng thông qua hình thức chuyển khoản nên hiện nay chị chỉ còn nợ 550.000.000 đồng, hiện nay do hoàn cảnh khó khăn nên chị xin mỗi tháng trả 10.000.000 đồng, thực hiện từ ngày có quyết định hoặc bản án có hiệu lực pháp luật, không đồng ý tính lãi.

Việc vay mượn tiền giữa chị và chị D là cá nhân chị, anh H không biết và không tham gia vào việc thỏa thuận hay vay mượn tiền. Ngoài ra, chị không sử dụng số tiền vay cho mục đích kinh doanh hay chăm lo kinh tế chung của vợ chồng mà sử dụng cho mục đích cá nhân, nên việc chị D khởi kiện yêu cầu anh H liên đới trả nợ là không có căn cứ.

* Bị đơn anh Nguyễn Tấn H trình bày: chị D khởi kiện yêu cầu anh và chị X liên đới trả số tiền 1.200.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi, anh không đồng ý vì tất cả khoản vay giữa chị X và chị D đều không có chữ ký hay xác nhận của anh và thực tế anh không hề biết các khoản vay này, giữa anh và chị D cũng không có thỏa thuận việc vay mượn tiền.

* Tại phiên tòa: Đại diện ủy quyền của nguyên đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện là tính lãi với lãi suất 0,83%/tháng của số tiền 1.050.000.000 đồng từ ngày 05/01/2023 đến ngày 16/05/2023.

- Đại diện ủy quyền của bị đơn là anh Trần Thanh G vắng mặt.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là thực hiện đúng với quy định của pháp luật. Trừ bị đơn vắng mặt không lý do, không thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đinh Thị Ngọc D, buộc chị Ngô Trang Mỹ X và anh Nguyễn Tấn H liên đới trả cho chị D số tiền nợ gốc còn lại 550.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 05/01/2023 đến ngày xét xử với lãi suất 0,83%/tháng, trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật, không chấp nhận yêu cầu trả số tiền vay 500.000.000 đồng vay vào ngày 05/07/2022 và tiền lãi đối với khoản vay này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra cũng như tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Đinh Thị Ngọc D khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Tấn H và chị Ngô Trang Mỹ X trả số tiền còn nợ theo hợp đồng vay tài sản, đây là tranh chấp dân sự, về quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

[2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn anh Nguyễn Tấn H và chị Ngô Trang Mỹ X cư trú trên địa bàn huyện Chợ Gạo nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về sự có mặt của đương sự: Đại diện ủy quyền của bị đơn anh Nguyễn Tấn H và chị Ngô Trang Mỹ X là anh Trần Thanh G tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng qui định, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do, do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh G theo qui định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về nội dung: xét yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị Ngọc D, Hội đồng xét xử thấy rằng: chị D khởi kiện yêu cầu anh H, chị X trả số tiền vay là 1.050.000.000 đồng. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là chị D cung cấp cho Tòa án hợp đồng mượn tiền ngày 05/07/2022 được công chứng tại Văn phòng công chứng C, mượn số tiền 500.000.000 đồng, có chữ ký của chị X và hai lần vay sau chị D chuyển khoản cho chị X thông qua số tài khoản 070112397211 của chị X tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Y (Sacombank) số tiền 700.000.000 đồng.

[4.1] Đối với số tiền 700.000.000 đồng, chị D chuyển khoản qua số tài khoản 070112397211 của chị X tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Y (Sacombank) vào ngày 24/10/2022 và ngày 25/10/2022. Chị X thừa nhận có nhận số tiền 700.000.000 đồng, phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ nên có căn cứ xác định chị X có vay của chị D số tiền 700.000.000 đồng.

[4.2] Đối với hợp đồng vay mượn tiền ngày 05/07/2022 số tiền 500.000.000 đồng được ký tại Văn phòng công chứng Chợ Gạo: chị X thừa nhận có ký tên trong hợp đồng, tuy nhiên sau khi ký hợp đồng mượn tiền xong thì chị không có tiếp tục

thực hiện hợp đồng này nên không có nhận số tiền 500.000.000 đồng và chị D cũng không có giao tiền cho chị.

Xét hợp đồng mượn tiền ngày 05/07/2022, thấy rằng chị D và chị X đều ký tên vào hợp đồng, nội dung hợp đồng thể hiện Bên A (chị D) có cho Bên B (chị X) mượn số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng), thời hạn mượn số tiền trên là 01 năm, kể từ ngày 05/7/2022 đến ngày 05/7/2023, mục đích mượn số tiền trên là kinh doanh; hợp đồng được công chứng tại Văn phòng công chứng C, phù hợp với quy định pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ra thông báo yêu cầu phía chị X và đại diện ủy quyền của chị X – anh Trần Thanh G cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của chị X. Tuy nhiên, hết thời hạn thông báo, chị X và đại diện ủy quyền của chị X đều không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh. Chị D không thừa nhận. Chị X không có yêu cầu hủy hợp đồng mượn tiền trên. Tuy chưa đến hạn trả tiền nhưng chị D đã có thông báo cho chị X trước trong thời gian một tháng để chị X trả tiền cho chị. Do đó, lời trình bày của chị X không có tiếp tục thực hiện hợp đồng mượn tiền và không có nhận số tiền 500.000.000 đồng từ chị D là không có cơ sở. Do đó, có đủ căn cứ xác nhận chị X có nợ chị D số tiền 500.000.000 đồng.

Như phân tích tại tiêu mục [4.1] và [4.2], xác định số tiền chị X vay của chị D là 1.200.000.000 đồng.

Ngày 05/01/2023, chị X có trả cho chị D được số tiền 150.000.000 đồng, hiện nay còn nợ 1.050.000.000 đồng. Chị D thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu chị X trả số tiền còn nợ 1.050.000.000 đồng. Chị X không đồng ý, cho rằng hiện nay chị chỉ còn nợ chị D số tiền 550.000.000 đồng. Như phân tích trên, chị X hiện còn nợ chị D số tiền 1.050.000.000 đồng nên yêu cầu của chị D là có căn cứ chấp nhận.

[5] Đối với yêu cầu của chị D yêu cầu anh H cùng liên đới với chị X trả tiền: anh H trình bày việc vay mượn tiền giữa chị D, chị X đều không có chữ ký hay xác nhận của anh và thực tế anh không hề biết các khoản vay này, giữa anh và chị D cũng không có thỏa thuận việc vay mượn tiền nên anh không đồng ý trả tiền cho chị D. Chị X trình bày việc vay mượn tiền giữa chị và chị D là cá nhân chị, anh H không biết và không tham gia vào việc thỏa thuận hay vay mượn tiền. Ngoài ra, chị không sử dụng số tiền vay cho mục đích kinh doanh hay chăm lo kinh tế chung của vợ chồng mà sử dụng cho mục đích cá nhân. Hội đồng xét xử nhận thấy tại Điều 3 Hợp đồng mượn tiền, ghi mục đích mượn tiền là kinh doanh. Qua xác minh, tên hộ kinh doanh V tại thửa đất số 02, ấp O, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang thì anh H là đại diện hộ kinh doanh với ngành, nghề kinh doanh là ngành ăn uống phù hợp với mục đích mượn tiền ghi trong hợp đồng là kinh doanh. Do đó lời trình bày của chị X, anh H cho rằng anh H không liên quan gì đến việc vay tiền giữa chị D và chị X, đây là nợ riêng của chị X là không có cơ sở mà xác định đây là khoản nợ chung của vợ chồng nên anh H có trách nhiệm liên đới cùng chị X trả tiền cho chị D theo quy định tại Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình.

[6] Về tiền lãi: Tại phiên tòa hôm nay, đại diện ủy quyền của chị D thay đổi yêu cầu tính lãi, tính lãi số tiền 1.050.000.000 đồng với lãi suất là 0,83%/tháng từ ngày 05/01/2023 đến khi xét xử là có cơ sở. Tiền lãi số tiền 1.050.000.000 đồng với lãi suất là 0,83%/tháng từ ngày 05/01/2023 đến ngày 16/5/2023 là 04 tháng 11 ngày

với số tiền 1.050.000.000 đồng x 0,83%/ tháng x 04 tháng 11 ngày = 38.055.500 đồng.

[7] Về thời gian trả: chị D yêu cầu anh H, chị X trả tiền ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở nên chấp nhận.

[8] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp một phần nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận một phần đề nghị của Viện kiểm sát.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của chị D được chấp nhận nên anh H, chị X phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho chị D số tiền tạm ứng đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ các Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị Ngọc D.

Buộc anh Nguyễn Tấn H và chị Ngô Trang Mỹ X có trách nhiệm trả cho chị Đinh Thị Ngọc D số tiền vốn 1.050.000.000 đồng (Một tỷ không trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi 38.055.500 đồng (Ba mươi tám triệu không trăm năm mươi lăm nghìn năm trăm đồng). Tổng cộng tiền vốn và lãi là 1.088.055.500 đồng (Một tỷ không trăm tám mươi tám triệu không trăm năm mươi lăm nghìn năm trăm đồng).

Thời gian trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả.

- Về án phí: Anh Nguyễn Tấn H và chị Ngô Trang Mỹ X phải chịu 44.642.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho chị Đinh Thị Ngọc D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 24.373.000 đồng theo biên lai số 0025422 ngày 01/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật

Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

(Đã ký và đóng dấu)

Phan Thị Cẩm Tiên